

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 5 năm 2018

DANH SÁCH ĐIỂM THI

PHẦN I.1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN
LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 1 LỚP A, TẠI TRƯỜNG QUÂN SỰ QUÂN KHU I

STT	Họ và tên	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Hoàng Công An	19	6.5	Sáu rưỡi	
2	Chu Quang Anh	38	6.5	Sáu rưỡi	
3	Lê Bá Ánh	25	7.5	Bảy rưỡi	
4	Ngân Bá Âu	35	6.0	Sáu	
5	Bàn Hữu Ba	76	7.0	Bảy	
6	Nguyễn Đăng Bản	111	7.0	Bảy	
7	Phạm Văn Bình	28	6.0	Sáu	
8	Nông Văn Cảnh	112	7.0	Bảy	
9	Hoàng Văn Chang	47	7.0	Bảy	
10	Hà Viết Chiến	110	6.5	Sáu rưỡi	
11	Nông Hoàng Chiến	02	7.5	Bảy rưỡi	
12	Dương Công Chung	56	6.0	Sáu	
13	Ma Văn Chung	85	7.0	Bảy	
14	Hoàng Chí Công	100	7.0	Bảy	
15	Hà Quốc Cường	84	7.0	Bảy	
16	Ma Văn Cường	132	7.5	Bảy rưỡi	
17	Lý Anh Dũng	117	7.0	Bảy	
18	Đàm Tiến Dũng	98	7.0	Bảy	
19	Vũ Bá Bình Dương	29	7.0	Bảy	
20	Hà Văn Duy	104	7.0	Bảy	
21	Hoàng Văn Duy	97	7.0	Bảy	
22	Lương Văn Đạt	69	7.0	Bảy	



lt

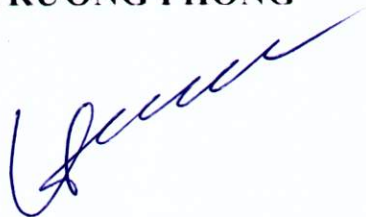
STT	Họ và tên	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
23	Thân Văn Điệp	37	7.0	Bảy	
24	Hoàng Tây Đô	15	7.0	Bảy	
25	Hoàng Văn Đô	135	7.5	Bảy rưỡi	
26	Nông Xuân Đoàn	26	7.0	Bảy	
27	Nguyễn Văn Đức	23	6.0	Sáu	
28	Trần Văn Đức	88	7.0	Bảy	
29	Lý Văn Đức	114	6.0	Sáu	
30	Ma Văn Được	108	7.0	Bảy	
31	Hà Văn Giang	93	6.5	Sáu rưỡi	
32	Lê Quang Giáp	83	7.0	Bảy	
33	Hoàng Thiện Hải	91	7.0	Bảy	
34	Đỗ Nguyên Hân	134	7.0	Bảy	
35	Chu Văn Hiền	82	7.0	Bảy	
36	Vy Văn Hiên	94	7.5	Bảy rưỡi	
37	Hoàng Văn Hiệp	126	7.0	Bảy	
38	Sầm Trung Hiếu	16	6.5	Sáu rưỡi	
39	Long Văn Hiếu	18	6.5	Sáu rưỡi	
40	Hoàng Văn Hiệu	66	7.5	Bảy rưỡi	
41	Nông Văn Hoạch	61	7.0	Bảy	
42	Ngô Huy Hoàng	74	6.0	Sáu	
43	Hoàng Hữu Học	51	6.0	Sáu	
44	Vi Văn Hồng	60	6.0	Sáu	
45	Lý Quang Hùng	131	7.0	Bảy	
46	Nguyễn Văn Hùng	130	7.0	Bảy	
47	Bùi Văn Hùng	39	7.0	Bảy	
48	Chu Văn Hùng	67	7.0	Bảy	
49	Hoàng Mạnh Hùng	49	7.0	Bảy	
50	Lê Dương Hưng	36	7.0	Bảy	
51	Lương Đức Duy Hưng	123	7.0	Bảy	
52	Hoàng Quốc Hương	43	7.0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
53	Lộc Văn Huyết	89	7.0	Bảy	
54	Giáp Văn Khang	03	7.0	Bảy	
55	Nông Văn Kiên	40	7.0	Bảy	
56	Hứa Văn Lân	10	7.0	Bảy	
57	Hoàng Văn Linh	58	7.0	Bảy	
58	Triệu Ngọc Linh	31	7.5	Bảy rưỡi	
59	Chu Phúc Long	109	5.0	Sáu	
60	Nông Văn Lực	09	7.5	Bảy rưỡi	
61	Trần Văn Lượng	32	5.0	Năm	
62	Phùng Công Minh	17	7.0	Bảy	
63	Nông Văn Mong	24	7.0	Bảy	
64	La Hoài Nam	102	7.0	Bảy	
65	Nguyễn Xuân Năng	45	6.5	Sáu rưỡi	
66	Vi Văn Nga	95	7.5	Bảy rưỡi	
67	Hà Văn Nguyên	107	7.0	Bảy	
68	Hoàng Trung Nguyên	21	5.5	Năm rưỡi	
69	Diệp Văn Nguyên	79	7.5	Bảy rưỡi	
70	Hoàng Văn Niên	81	7.0	Bảy	
71	Hoàng Thọ Ninh	90	7.5	Bảy rưỡi	
72	Triệu Văn Phúc	20	7.0	Bảy	
73	Ngô Văn Phụng	106	6.5	Sáu rưỡi	
74	Hoàng Văn Quân	41	6.0	Sáu	
75	Ma Khánh Quân	53	6.0	Sáu	
76	Lèng Hữu Quang	59	6.0	Sáu	
77	Đinh Như Quý	05	7.5	Bảy rưỡi	
78	Hoàng Văn Quý	12	6.5	Sáu rưỡi	
79	Bùi Văn Sang	128	7.5	Bảy rưỡi	
80	Đặng Văn Sinh	14	6.5	Sáu rưỡi	
81	Chu Văn Sơ	70	7.0	Bảy	
82	Triệu Quang Sơn	52	6.5	Sáu rưỡi	

STT	Họ và tên	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
83	Vi Văn Sơn	75	6.5	Sáu rưỡi	
84	Hoàng Văn Sương	07	6.5	Sáu rưỡi	
85	Phùng Thế Tài	125	7.5	Bảy rưỡi	
86	Đinh Quang Thắng	46	6.5	Sáu rưỡi	
87	Hoàng Văn Thanh	124	6.5	Sáu rưỡi	
88	Hoàng Chí Thanh	27	7.5	Bảy rưỡi	
89	Hoàng Tuấn Thành	122	7.0	Bảy	
90	Ma Văn Thê	01	6.5	Sáu rưỡi	
91	Nông Quốc Thê	78	7.0	Bảy	
92	Nguyễn Văn Thị	77	6.5	Sáu rưỡi	
93	Hoàng Xuân Thiêm	33	6.5	Sáu rưỡi	
94	Lộc Huy Thiệp	92	6.5	Sáu rưỡi	
95	Triệu Tiến Thọ	73	7.0	Bảy	
96	Dương Văn Thư	08	7.5	Bảy rưỡi	
97	Trần Văn Thụ	54	5.5	Năm rưỡi	
98	Mạch Văn Thương	80	7.0	Bảy	
99	Trần Văn Thường	129	7.0	Bảy	
100	Dương Văn Toàn	34	7.0	Bảy	
101	Hà Đức Trình	04	7.0	Bảy	
102	Đàm Văn Trọng	55	6.5	Sáu rưỡi	
103	Nguyễn Duy Truân	86	7.0	Bảy	
104	Phạm Quốc Trung	42	6.0	Sáu	
105	Vi Văn Trường	44	6.0	Sáu	
106	Lý A Tu	127	7.0	Bảy	
107	Vũ Đình Tú	68	6.5	Sáu rưỡi	
108	Nịnh Văn Tuấn	11	5.0	Năm	
109	Nguyễn Hà Tuấn	30	6.0	Sáu	
110	Hoàng Thanh Tuấn	118	7.0	Bảy	
111	Hứa Văn Tuấn	57	6.5	Sáu rưỡi	
112	Nông Văn Tùng	116	7.0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
113	Trần Văn Tùng	121	7.0	Bảy	
114	Triệu Minh Tùng	48	6.5	Sáu rưỡi	
115	Lê Thanh Tùng	72	7.0	Bảy	
116	Nguyễn Lâm Tùng	06	7.0	Bảy	
117	Ma Xuân Tươi	105	6.5	Sáu rưỡi	
118	Hà Đức Túy	71	7.5	Bảy rưỡi	
119	La Văn Tuyên	133	7.0	Bảy	
120	Trương Văn Tuyên	64	6.5	Sáu rưỡi	
121	Đông Văn Tuyên	99	7.5	Bảy rưỡi	
122	Phan Văn Tuyền	50	6.0	Sáu	
123	Lâm Văn Tuyền	120	7.0	Bảy	
124	Phạm Thanh Tuyền	87	7.0	Bảy	
125	Bế Vương Tuyền	22	6.0	Sáu	
126	Trịnh Công Út	13	7.0	Bảy	
127	Hứa Đức Văn	65	6.0	Sáu	
128	Triệu Văn Vĩ	62	6.0	Sáu	
129	Lương Văn Viên	101	7.0	Bảy	
130	Nông Văn Vinh	115	7.0	Bảy	
131	Ma Khắc Võ	119	6.5	Sáu rưỡi	
132	Phùng Tuấn Vũ	96	7.0	Bảy	
133	Ma Đình Vương	113	5.5	Năm rưỡi	
134	Hoàng Văn Vượng	63	6.5	Sáu rưỡi	
135	Bế Văn Xin	103	6.5	Sáu rưỡi	

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Lương Thu Hà

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Phạm Minh Chuyên